THỰC TRẠNG GÂY TRỒNG LÂM SẢN NGOÀI GỖ DƯỚI TÁN RỪNG TẠI HAI TỈNH ĐIỆN BIÊN VÀ LAI CHÂU

Nguyễn Tiến Hải[1, *], Vũ Thị Thuỳ[1], Phạm Thị Luyện[1], Vũ Duy Hưng[1], Nguyễn Xuân Hậu[1]

[1]Viện Nghiên cứu Kinh tế Lâm nghiệp - Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

** Email: tienhai69@yahoo.com*

TÓM TẮT

Bài viết đánh giá thực trạng phát triển lâm sản ngoài gỗ (LSNG) dưới tán rừng tại hai tỉnh Điện Biên và Lai Châu vùng Tây Bắc, Việt Nam. Qua thu thập số liệu thứ cấp và phỏng vấn các bên liên quan, kết quả cho thấy, có một số loài LSNG chính được trồng dưới tán rừng, chủ yếu dưới tán rừng tự nhiên, đa phần là cây dược liệu, trong đó có những loài có giá trị kinh tế rất cao, như Sâm lai châu, Tam thất hoang và Bảy lá một hoa. Tuy nhiên, diện tích trồng LSNG còn rất hạn chế, chiếm 0,2 - 1,8% diện tích rừng của mỗi tỉnh. Một số rào cản chính đối với phát triển LSNG dưới tán rừng được các bên liên quan đề cập, bao gồm: *(i)* thiếu nguồn giống có chất lượng; *(ii)* quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc chưa hoàn thiện; *(iii)* thiếu sự liên kết trong chuỗi giá trị lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng; *(iv)* một số tồn tại về cơ sở pháp lý và chính sách hỗ trợ. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất một số khuyến nghị chính sách để phát triển LSNG dưới tán rừng, góp phần phát huy tối đa giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, bao gồm: Điều chỉnh một số quy định pháp luật; hỗ trợ nghiên cứu, đầu tư hạ tầng để phát triển giống chất lượng cao; hỗ trợ đầu tư trồng; và thúc đẩy liên kết tiêu thụ.

Từ khoá: *Lâm sản ngoài gỗ (LSNG), dưới tán rừng (DTR), thực trạng, vấn đề trồng, chính sách LSNG.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) là nhóm sản phẩm có nguồn gốc từ rừng, giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, đồng thời góp phần tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân và hỗ trợ bảo tồn tài nguyên rừng. Tuy nhiên, do tình trạng khai thác quá mức trong thời gian dài, nguồn tài nguyên LSNG tự nhiên đang suy giảm cả về trữ lượng và đa dạng loài, nhiều loài có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng. Trong bối cảnh đó, phát triển các loài LSNG dưới tán rừng được xem là một hướng đi phù hợp nhằm vừa bảo tồn nguồn tài nguyên, vừa nâng cao hiệu quả kinh tế của rừng và thúc đẩy quản lý rừng bền vững. Mặc dù vậy, thông tin về hiện trạng LSNG được trồng nói chung hiện còn chưa được thống kê đầy đủ [1].

Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu này thực hiện nghiên cứu điểm tại tỉnh Điện Biên và Lai Châu, là hai tỉnh có diện tích rừng và tiềm năng phát triển LSNG lớn. Nội dung nghiên cứu tập trung đánh giá hiện trạng gây trồng một số loài LSNG chủ yếu dưới tán rừng tại khu vực nghiên cứu, phân tích những khó khăn, tồn tại và đề xuất một số khuyến nghị chính sách để thúc đẩy phát triển LSNG dưới tán rừng trong thời gian tới.

2. ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung vào các loài LSNG có nguồn gốc thực vật được trồng dưới tán rừng. Phạm vi nghiên cứu giới hạn trong việc đánh giá thực trạng gây trồng một số loài chính dưới tán rừng tại địa điểm nghiên cứu.

Địa điểm thực hiện nghiên cứu gồm tỉnh Điện Biên và Lai Châu, là 2 tỉnh có diện tích rừng lớn thuộc vùng Tây Bắc. Đến hết năm 2025, diện tích rừng của tỉnh Điện Biên là 438.178 ha và tỉnh Lai Châu là 511.510 ha, trong đó rừng tự nhiên chiếm tỷ lệ lớn (tỉnh Điện Biên chiếm 97,6% và tỉnh Lai Châu chiếm 91,4%), với tỷ lệ che phủ rừng tương ứng đạt 45,5% và 54% [2, 3].

Tại mỗi tỉnh, trên cơ sở tham khảo tài liệu và tham vấn cán bộ quản lý lâm nghiệp cấp tỉnh về diện tích rừng, loài LSNG chính được trồng và diện tích trồng, có bốn xã thuộc hai huyện (theo đơn vị hành chính trước thời điểm sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính từ ngày 01/7/2025) được lựa chọn để khảo sát và thu thập số liệu thực địa. Cụ thể, tại tỉnh Điện Biên gồm các xã Pa Thơm, Mường Pồn, Tênh Phông và Tỏa Tình (nay thuộc các xã Thanh Yên, Mường Pồn và Quài Tở). Tại tỉnh Lai Châu gồm các xã Tá Bạ, Pa Vệ Sử, Mồ Sì San và Ma Li Pho (nay thuộc các xã Pa Ủ, Bum Nưa, Sì Lở Lầu và Phong Thổ).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp nguồn số liệu thứ

cấp và số liệu sơ cấp. Số liệu thứ cấp được thu thập để cung cấp thông tin về hiện trạng rừng, loài LSNG, diện tích trồng, kỹ thuật trồng, cơ chế chính sách và các vấn đề liên quan đến trồng LSNG dưới tán rừng. Các tài liệu thu thập gồm quyết định công bố hiện trạng rừng, báo cáo chuyên đề, quy trình kỹ thuật trồng LSNG và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Các tài liệu này được thu thập qua trang web thư viện pháp luật và các cơ quan, đơn vị, như Chi cục Kiểm lâm, Phòng Nông nghiệp huyện (trước đây) ở các tỉnh.

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn các bên liên quan trồng LSNG dưới tán rừng, gồm: (i) Cán bộ quản lý lâm nghiệp ở các cấp (cán bộ Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Phòng Nông nghiệp huyện trước đây, cán bộ UBND xã), số lượng 10 phiếu/tỉnh; (ii) Hộ gia đình trồng LSNG dưới tán rừng, số lượng 30 phiếu/tỉnh; (iii) tổ chức (công ty, hợp tác xã) trồng LSNG dưới tán rừng, số lượng 10 phiếu/tỉnh. Thực tế hiện nay chưa có thống kê đầy đủ về số lượng đối tượng tham gia trồng LSNG dưới tán rừng, nghiên cứu áp dụng phương pháp chọn mẫu có chủ đích và quả bóng tuyết (Purposive and snowball sampling methods) để lựa chọn đối tượng phỏng vấn. Hộ gia đình, tổ chức (công ty, hợp tác xã) được lựa chọn trên cơ sở là hộ, tổ chức có trồng LSNG dưới tán rừng, được giới thiệu bởi các bên liên quan trong quá trình nghiên cứu tại địa phương. Nội dung phỏng vấn về loài LSNG chính được trồng, diện tích trồng, thực hiện trồng, những khó khăn, tồn tại và đề xuất để phát triển trồng LSNG dưới tán rừng.

Số liệu thu thập được tổng hợp và phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả. Các bảng biểu và phương pháp phân tích, diễn giải được sử dụng để tổng hợp và đánh giá kết quả nghiên cứu. Bên cạnh đó, phần mềm Microsoft Excel và SPSS được sử dụng để xử lý số liệu điều tra, tính toán các chỉ tiêu thống kê cơ bản như tần suất, tỷ lệ và các tham số thống kê mô tả (Descriptive Statistics, Frequencies), phục vụ cho việc phân tích hiện trạng và các vấn đề liên quan đến phát triển LSNG DTR.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng trồng một số loài LSNG chủ yếu được trồng dưới tán rừng

Ở Việt Nam nói chung và hai tỉnh nghiên cứu nói riêng chưa có quy định cụ thể về tiêu chí và danh mục các loài LSNG chính được trồng dưới tán rừng. Trong nghiên cứu này, các loài LSNG chính được xác định dựa trên các tiêu chí xem xét bao gồm mức độ phổ biến, quy mô diện tích, phạm vi phân bố và định hướng phát triển tại địa phương. Qua việc tổng hợp tài liệu, báo cáo hiện có, kết hợp tham vấn cơ quan quản lý lâm nghiệp và các chủ thể tham gia trồng LSNG dưới tán rừng, kết quả đã tổng hợp được một số loài LSNG chính được trồng dưới tán rừng cùng diện tích trồng tại hai tỉnh (Bảng 1).

Bảng 1. Diện tích một số loài LSNG chính trồng dưới tán rừng tại các tỉnh nghiên cứu

TT	Tỉnh/LSNG	D.tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Loại rừng	Thay đổi	% rừng cả tỉnh
I	Điện Biên	1.789,9	100,0			0,41
1	Sa nhân tím	1.672,5	93,4	RTN, RT	Tăng	0,38
2	Thảo quả	108	6,3	RTN	Giảm	0,02
3	Sâm lai châu	<4	0,4	RTN	Tăng	0,00
4	Sâm ngọc linh	3,3	0,3	RTN	Không đổi	0,00
5	Bảy lá một hoa	4,2	0,2	RTN	Không đổi	0,00
6	Tam thất hoang	<3	0,3	RTN	Không đổi	0,00
II	Lai Châu	9.178	100,0			1,79
1	Sa nhân tím	2.485	27,1	RTN, RT	Tăng	0,49
2	Thảo quả	6.640	72,3	RTN	Không đổi	1,3
3	Sâm lai châu	40	0,4	RTN	Tăng	0,01
4	Bảy lá một hoa	12	0,1	RTN	Không đổi	0,00
5	Tam thất hoang	<4	<0,1	RTN	Tăng	0,00

Nguồn: UBND tỉnh Điện Biên (2022), UBND tỉnh Lai Châu (2020-2022), phỏng vấn cán bộ LN (2024-2026).
Ghi chú: RTN - Rừng tự nhiên, RT - Rừng trồng.

Nhìn chung, một số loài LSNG chính được trồng tại 2 tỉnh gồm: Sa nhân tím *(Amomum longiligulare* T.L. Wu*)*, Thảo quả *(Amomum aromaticum* Roxb.*)*, Sâm lai châu *(Panax vietnamensis* var*)*, Bảy lá một hoa *(Paris polyphylla)* và Tam thất hoang *(Panax stipuleanatus)*. Trong đó, trừ Thảo quả là cây gia vị, các loài còn lại đều thuộc nhóm cây

thuốc/dược liệu có giá trị kinh tế cao [4]. Tất cả các loài đều được trồng chủ yếu dưới tán rừng tự nhiên, chỉ có Sa nhân tím còn được trồng cả dưới tán rừng trồng.

Diện tích trồng LSNG dưới tán rừng ở cả 2 tỉnh còn thấp so với tổng diện tích rừng ở mỗi tỉnh (0,4% ở tỉnh Điện Biên và gần 1,8% ở tỉnh Lai Châu). Trong các loài LSNG trồng dưới tán rừng có sự khác biệt nhất định về diện tích trồng. Nhìn chung, Sa nhân tím và Thảo quả là hai loài có diện tích trồng nhiều nhất. Như ở tỉnh Điện Biên, diện tích trồng tương ứng mỗi loài này là 1.672 ha và 108 ha, chiếm 93,4% và 6,3% tổng diện tích trồng LSNG dưới tán rừng tại tỉnh; ở tỉnh Lai Châu là 2.485 ha và 6.640 ha, chiếm tổng 27,1% và 72,3% diện tích LSNG trồng dưới tán rừng tại tỉnh. Các loài còn lại, là Sâm lai châu, Bảy lá một hoa và Tam thất hoang, mặc dù có giá trị rất cao, nhưng diện tích trồng chỉ được vài ba héc-ta, cao nhất là vài chục héc-ta, chiếm tỷ lệ trên dưới 1% tổng diện tích trồng LSNG dưới tán rừng tại tỉnh. Các loài này chủ yếu được trồng bởi các tổ chức là công ty hay hợp tác xã, có nguồn lực tài chính.

Diện tích trồng LSNG dưới tán rừng tại 2 tỉnh trong những năm gần đây đã có sự thay đổi nhất định. Kết quả phỏng vấn tổng hợp tại bảng 1 cho thấy, trong số các loài được liệt kê, có Sa nhân tím, Sâm lai châu và Tam thất hoang (ở tỉnh Lai Châu) được phản ánh có diện tích trồng tăng. Tuy nhiên, diện tích tăng không nhiều. Theo số liệu cung cấp bởi cán bộ phòng Nông nghiệp huyện Tuần Giáo trước đây, tỉnh Điện Biên, diện tích trồng Sa nhân tím dưới tán rừng tăng từ 85 ha năm 2019 lên 94,5 ha năm 2024. Sâm lai châu và Tam thất hoang, có diện tích trồng được phản ánh tăng, nhưng không nhiều. Như với Sâm lai châu, diện tích trồng được tại tỉnh Lai Châu là 40 ha (Bảng 1) trong khi kế hoạch đặt ra đối với tỉnh là 3.000 ha theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 01/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình phát triển Sâm Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [5].

3.2. Khó khăn, tồn tại trong phát triển trồng LSNG dưới tán rừng

Khó khăn, tồn tại trong phát triển trồng LSNG dưới tán rừng, được tổng hợp, phân tích dựa trên Khung sinh kế bền vững của Cơ quan Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh [6]. Dựa theo khung phân tích này, phát triển trồng LSNG dưới tán rừng của chủ thể trồng phụ thuộc vào tổng hợp của nhiều yếu tố, như: (i) nguồn lực con người (kiến thức, kỹ thuật, lao động); (ii) nguồn lực tài nguyên (đất đai, rừng); (iii) nguồn lực xã hội (quan hệ xã hội, liên kết); (iv) nguồn lực vật chất (giống, cây con, vật tư trồng); (v) nguồn lực tài chính (vốn cho trồng LSNG dưới tán rừng); (vi) chính sách, quy định của nhà nước có liên quan; (vii) thị trường tiêu thụ LSNG… Xem xét các yếu tố này, kết quả khảo sát tại hai tỉnh cho thấy, một số tồn tại chủ yếu trong phát triển trồng LSNG dưới tán rừng của các chủ rừng/chủ thể trồng, gồm các vấn đề về giống cây trồng, kỹ thuật, liên kết, tiêu thụ, quy định và các chính sách hỗ trợ liên quan hiện hành.



Hình 1. Sâm Ngọc Linh trồng bị bệnh chết héo ở tỉnh Điện Biên

Giống cây trồng: Chưa rõ/chưa đảm bảo chất lượng. Trừ Sâm lai châu có chứng nhận bảo hộ giống [7], tất cả các loài LSNG (Bảng 1) được trồng ở 2 tỉnh chưa có công nhận giống. Số lượng cơ sở sản xuất cung cấp giống cây con LSNG cũng còn rất ít. Theo phản ánh qua phỏng vấn, tại tỉnh Điện Biên chỉ có 01 cơ sở cung cấp cây con trồng Sa nhân tím, không có cơ sở cung cấp cây con đối với các loài còn lại. Tại tỉnh Lai Châu có 02 cơ sở sản xuất, cung cấp giống cây con cho Sâm lai châu và Tam thất hoang; không có cơ sở sản xuất, cung cấp giống cây con cho các loài còn lại, là Sa nhân tím, Thảo quả, Bảy lá một hoa. Trên thực tế, đa phần các hộ gia đình được phỏng vấn (với hộ trồng Thảo quả là 100% số hộ) ở cả hai tỉnh, sử dụng cây con mua tự do hay tự lấy không rõ nguồn gốc để trồng. Với các tổ chức trồng LSNG dưới tán rừng, theo phản ánh của đại diện một Hợp tác xã trồng Sâm lai châu và Bảy lá một hoa ở tỉnh Điện Biên, hiện cũng chưa rõ được tiêu chuẩn giống cây con đảm bảo chất lượng đem trồng.

Kỹ thuật trồng: Trong 2 tỉnh, ở tỉnh Lai Châu có Sâm lai châu có Hướng dẫn kỹ thuật trồng [8]

và Tam thất hoang có Quy trình kỹ thuật trồng [9]. Các loài còn lại, là Sa nhân tím, Thảo quả và Bảy lá 1 hoa, chưa có hướng dẫn hay quy trình kỹ thuật được ban hành. Thực tế, theo kết quả phỏng vấn hộ gia đình, 100% số hộ (trồng Thảo quả ở hai tỉnh, Sa nhân tím ở tỉnh Lai Châu) đều tự trồng không có dẫn kỹ thuật, khi trồng không bón phân và cơ bản không có chăm sóc tỉa thưa, để cây trồng mọc tự nhiên, sản lượng thu hoạch không ổn định và giảm dần trong các năm về sau. Các tổ chức trồng (Sâm lai châu, Sâm ngọc linh, Tam thất hoang) cũng gặp khó khăn về kỹ thuật trồng, chưa có biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại hiệu quả. Như với Sâm lai châu và Sâm ngọc linh, cây trồng bị chết nhiều do bệnh hại (Hình 1), tỷ lệ cây sống sau 3 - 4 năm trồng đạt thấp, khoảng 30 - 40%.

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn về liên kết trồng và tiêu thụ LSNG tại 2 tỉnh

Tỉnh	LSNG trồng bởi hộ gia đình/tổ chức	Số hộ/tổ chức phỏng vấn	Số hộ, tổ chức phản ánh có hợp đồng liên kết
Điện Biên	Sa nhân tím	25 hộ	0
	Thảo quả	5 hộ	0
	Sâm lai châu	2 HTX	0
	Sâm ngọc linh	1 Cty, 1 HTX	0
	Bảy lá một hoa	1 HTX	0
	Tam thất hoang	1 HTX	0
Lai Châu	Sa nhân tím	10 hộ	0
	Thảo quả	20 hộ	0
	Sâm lai châu	1 Cty & 3 HTX	0
	Bảy lá một hoa	1 Cty & 2 HTX	0
	Tam thất hoang	1 HTX	0

Nguồn: Phỏng vấn cán bộ quản lý lâm nghiệp, hộ gia đình, tổ chức trồng.

Ghi chú: HTX - Hợp tác xã, Cty - Công ty

Liên kết trồng và tiêu thụ: Liên kết có vai trò quan trọng giúp hộ gia đình và tổ chức có thêm nguồn lực cần thiết, cũng như đảm bảo ổn định đầu ra để phát triển trồng LSNG dưới tán rừng. Tuy nhiên tại 2 tỉnh khảo sát, với mỗi loài LSNG được trồng (gồm cả loài có diện tích trồng lớn như Sa nhân, Thảo quả; loài có giá trị cao như Sâm lai châu, Sâm ngọc linh, Tam thất hoang), hiện chưa có được liên kết giữa các chủ thể trồng với nhau và giữa chủ thể trồng với chủ thể thu mua/chế biến. Theo kết quả phỏng vấn hộ gia đình, tổ chức trồng LSNG dưới tán rừng tại bảng 2, không có hộ gia đình, tổ chức nào được phỏng vấn phản ánh có hợp đồng liên kết mua bán LSNG với người/đơn vị thu mua, chế biến.

Quy định liên quan đến trồng LSNG dưới tán rừng: Ở Việt Nam đã có hệ thống quy định tại các văn bản pháp luật (VBPL) làm cơ sở pháp lý cho trồng LSNG, dưới tán 3 loại rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất. Bao gồm Luật Lâm nghiệp 2017 (Điều 53, 56, 57, 60) [10], Luật Đất đai 2024 (Điều 248) [11], Nghị định 156/2018/NĐ-CP (Điều 25, 30) [12], Nghị định 183/2025/NĐ-CP (Điều 32a-g) [13], Nghị định 06/2019/NĐ-CP, Nghị định 84/2021/NĐ-CP sửa đổi bổ sung (Điều 15, 16, 17) [14, 15], Thông tư 85/2025/TT-BNNMT (Điều 25, 26) [16] và Quyết định 3657/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 20/8/2019 [4].

Rà soát các quy định tại các VBPL này và tham vấn tại hiện trường cho thấy một số vấn đề còn tồn tại. Quy định trồng cây dược liệu dưới tán rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nhưng chưa đề cập đến nhóm cây LSNG khác (nhóm cây có sợi, nhóm cây cho dầu, nhóm cây thực phẩm/gia vị). Các quy định nằm ở nhiều VBPL khác nhau, khó cho tra cứu tìm hiểu và thực thi, nhất là với chủ rừng/chủ thể trồng là người đồng bào dân tộc, tổ chức ở vùng sâu vùng xa. Một số quy định, như: Trồng xen cây LSNG dưới tán rừng, nhưng không được làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng, ảnh hưởng tái sinh rừng và khả năng phòng hộ của rừng (Điều 25, 30 Nghị định 156/2018/NĐ-CP,) [12]; Trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng phải bảo đảm duy trì diện tích rừng, chất lượng rừng, diễn thế tự nhiên và mục đích sử dụng của khu rừng (tại Điều 32a Nghị định 183/2025/NĐ-CP) [13], mang tính định tính, chưa có hướng dẫn thực hiện, dẫn đến khó khăn cho triển khai thực hiện trồng LSNG dưới tán rừng trên thực tế. Bên cạnh đó, theo quy định về trồng các loài nguy cấp, quý, hiếm, loài thuộc Phụ lục CITES (như Sâm lai châu, Bảy lá một hoa, Tam thất hoang), cơ sở trồng phải được cấp mã số cơ sở nuôi trồng; có nguồn gốc hợp pháp [17]; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường (Điều 15, 16, 17 Nghị định 06/2019/NĐ-CP và Nghị định 84/2021/NĐ-CP), Điều 25 Thông tư 85/2025/TT-BNNMT, Thông báo số 2337 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ngày 13/3/2026) [14 - 17]. Thực hiện các quy định này cũng là một vấn đề với các chủ thể trồng, nhất là hộ gia đình, cộng đồng đồng bào các dân tộc vùng sâu vùng xa, do đòi hỏi cần có

sự hiểu biết về pháp luật, nhân lực, chi phí và thời gian để thực hiện.

Chính sách hỗ trợ liên quan trồng LSNG dưới tán rừng: Chưa tập trung vào phát triển trồng LSNG dưới tán rừng, chưa rõ ràng, mức hỗ trợ chưa phù hợp và khó tiếp cận. Ở Trung ương, Luật Lâm nghiệp 2017 [10] chỉ quy định nhà nước có chính sách ưu đãi đầu tư phát triển LSNG, không có quy định cụ thể về chính sách này (Điều 94). Nghị định 58/2024/NĐ-CP quy định một số chính sách đầu tư trong Lâm nghiệp, không quy định rõ hỗ trợ đầu tư trồng LSNG dưới tán rừng (2024) [18]. Nghị định 65/2017/NĐ-CP (2017) [19] quy định hỗ trợ trồng dược liệu tập trung, 15 triệu đồng/ha mua giống (Điều 7). Hỗ trợ này thấp so với đầu tư trồng các loài có giá trị cao, như Sâm lai châu là hơn 10 tỷ đồng/ha- theo Quyết định 29/QĐ-UBND tỉnh Lai Châu, ngày 14/01/2020 [20]. Bên cạnh đó, để được hỗ trợ, cần đáp ứng các điều kiện về quy mô diện tích trồng, có dự án trồng tập trung với diện tích hơn 5 ha được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư.

Ở 2 tỉnh khảo sát đã có ban hành các văn bản liên quan. Tại tỉnh Điện Biên, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định 1772/QĐ-UBND, ngày 26/9/2022, ban hành Phương án phát triển vùng trồng cây dược liệu quý giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Tuần Giáo [21]. Tuy nhiên, Quyết định này chỉ đề cập đến cây dược liệu, không quy định chính sách hỗ trợ phát triển trồng dược liệu, hay trồng LSNG dưới tán rừng. Theo phản ánh của cán bộ Kiểm lâm tỉnh, hiện cũng chưa có chính sách cụ thể về phát triển trồng LSNG DTR. Tại tỉnh Lai Châu, có một số văn bản, trong đó có Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng Nhân dân tỉnh, thông qua Đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu [22]. Nghị quyết có quy định chính sách hỗ trợ 50% chi phí mua giống và 50% chi phí giá phân bón, thuốc bảo vệ thực vật với các loài cây Sâm lai châu, Bảy lá một hoa và Lan kim tuyến (Điều 1), không quy định hỗ trợ với các loài LSNG khác. Thêm nữa, chính sách được quy định còn khó tiếp cận, do để được hỗ trợ phải đáp ứng một số điều kiện nhất định, như với hộ gia đình cần góp vốn bằng quyền sử dụng đất, có hợp đồng liên kết, v.v.; với tổ chức phải có dự án đầu tư trong danh mục đầu tư của tỉnh hay dự án liên kết.

Vấn đề khác/thị trường tiêu thụ LSNG: Một vấn đề quan trọng khác là về thị trường tiêu thụ, có ảnh hưởng lớn đến phát triển trồng LSNG dưới tán rừng. Đây là vấn đề được đề cập trong các báo cáo, tài liệu liên quan được thu thập, cũng như qua phỏng vấn cán bộ quản lý lâm nghiệp và các chủ thể trồng LSNG DTR. Trong số 30 hộ gia đình phỏng vấn ở mỗi tỉnh, có 66,7% hộ ở tỉnh Điện Biên và 63,3% hộ ở tỉnh Lai Châu phản ánh gặp khó khăn về tiêu thụ, bán sản phẩm thu hoạch từ trồng LSNG DTR. Do phụ thuộc vào người thu mua, giá bán thấp đem lại hiệu quả kinh tế hạn chế, mà các hộ trồng chưa thực sự quan tâm đầu tư vào việc trồng, chăm sóc và mở rộng diện tích trồng LSNG dưới tán rừng.

3.3. Đề xuất giải pháp phát triển LSNG dưới tán rừng

Nghiên cứu các văn bản ban hành ở hai tỉnh và ở cấp Trung ương (như Quyết định 1772/QĐ-UBND tỉnh Điện Biên ngày 26/9/2022 [21], Nghị quyết 12-NQ/TU Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu ngày 27/3/2026 [23] và Quyết định 208/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/02/2024 [24]) cho thấy, có một số giải pháp được đưa ra để phát triển dược liệu, LSNG dưới tán rừng. Bao gồm các giải pháp về giống, kỹ thuật, đất đai, cơ chế chính sách, chế biến, phát triển thị trường, tổ chức sản xuất, đào tạo tập huấn và vốn đầu tư. Bài viết này giới hạn vào giải pháp về chính sách, đây là giải pháp quan trọng để phát triển trồng LSNG dưới tán rừng được đề cập tại các văn bản ở các tỉnh và trung ương.

Chính sách có ảnh hưởng lớn đến phát triển LSNG [25,26], có thể tạo điều kiện/khuyến khích (incentives) hay hạn chế (disincentives) phát triển LSNG [12]. Có 3 loại công cụ chính sách chính thường được áp dụng, gồm các quy định, khuyến khích tài chính và đầu tư/hỗ trợ đầu tư trực tiếp [27]. Để phát triển LSNG, trong "*Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*" ban hành theo Quyết định 208/QĐ-TTg cũng đã đưa ra giải pháp về chính sách, bao gồm việc hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về phát triển các loài LSNG, cây dược liệu trong tự nhiên theo hướng bền vững [24]. Trên cơ sở phân tích tồn tại về quy định và chính sách hỗ trợ liên quan đến trồng LSNG dưới tán rừng tại mục 3.2, tìm hiểu các VBPL liên quan hiện hành và tham vấn cán bộ quản lý các cấp, hộ gia đình, tổ chức trồng tại hiện trường, bài viết đưa ra một số khuyến nghị chính sách phát triển trồng LSNG dưới tán rừng.

Về quy định liên quan: Cần xem xét bổ sung quy định làm cơ sở pháp lý cho trồng, thuê môi

trường rừng để trồng LSNG dưới tán rừng, không chỉ có nhóm cây dược liệu, với cả 3 loại rừng, gồm cả rừng đặc dụng, tại Luật Lâm nghiệp 2017. Thực tế có loài LSNG không phải thảo dược, như Thảo quả, được trồng dưới tán rừng đặc dụng ở nơi có điều kiện thích hợp. Việc cho phép trồng các loài này, một mặt giúp đem lại lợi ích kinh tế và cải thiện sinh kế cho người dân địa phương; mặt khác giúp đảm bảo Nguyên tắc tôn trọng quyền của cộng đồng dân cư và người dân địa phương, trong thực quản lý rừng bền vững [28]. Thêm nữa, cần xem xét xây dựng VBPL dưới Luật và Nghị định, như văn bản dạng Thông tư, hướng dẫn trồng LSNG dưới tán rừng. Thông tư này cụ thể hoá các quy định chung tại các VBPL hiện hành. Về trồng LSNG dưới tán rừng, đảm bảo không được làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng, ảnh hưởng tái sinh rừng, diễn thế tự nhiên và mục đích sử dụng của khu rừng), tạo thuận lợi cho chủ thể trồng và cơ quan quản lý liên quan tìm hiểu và áp dụng thực hiện trong triển khai trồng LSNG dưới tán rừng. Ngoài ra, cần tiếp tục theo dõi đánh giá thực hiện các quy định liên quan điều kiện trồng các loài dược liệu, LSNG quý, hiếm dưới tán rừng tại một số VBPL; quy định việc cơ sở trồng phải được cấp mã số cơ sở nuôi trồng, có nguồn gốc hợp pháp và tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường tại Nghị định 06/2019/NĐ-CP và Thông tư 85/2025/TT-BNNMT) để có điều chỉnh bổ sung khi cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện phát triển trồng các loài này [14,15].

Về chính sách hỗ trợ phát triển trồng LSNG dưới tán rừng: Để khuyến khích và giúp các chủ rừng có đủ nguồn lực/nguồn vốn vật chất, con người, tài chính và xã hội đảm bảo phát triển trồng LSNG dưới tán rừng đạt hiệu quả, cần có các chính sách hỗ trợ của nhà nước (như trước đây nhà nước đã ban hành chính sách phát triển rừng sản xuất theo Quyết định 147/2007/QĐ-TTg [29]). Bao gồm các chính sách về hỗ trợ đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất và sản xuất giống cây trồng LSNG; khuyến lâm; hỗ trợ đầu tư và vay vốn/tín dụng trồng LSNG; hỗ trợ phát triển liên kết trồng LSNG dưới tán rừng. Để có được các chính sách này, cần xem xét sửa đổi bổ sung quy định tại các VBPL liên quan hiện hành. Như với Luật Lâm nghiệp, bổ sung quy định về Nhà nước có chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển trồng LSNG dưới tán rừng. Nghị định 58/2024/NĐ-CP hoặc/và Nghị định 65/2017/NĐ-CP, bổ sung các quy định về chính sách (i) Hỗ trợ đầu tư trồng LSNG dưới tán cả 3 loại rừng và khuyến lâm [18, 19]; (ii) Hỗ trợ đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất và (thực hiện) sản xuất giống cây trồng LSNG. Với Nghị định 55/2015/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 116/2018/NĐ-CP) [30] hay Nghị định 58/2024/NĐ-CP, bổ sung các quy định về tín dụng, vay vốn ưu đãi cho các cá nhân, hộ gia đình và tổ chức trồng LSNG dưới tán rừng. Nghị định 98/2018/NĐ-CP [31] hay Nghị định 58/2024/NĐ-CP, bổ sung quy định về hỗ trợ liên kết trồng LSNG DTR và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Với Nghị định 58/2024/NĐ-CP, xem xét bổ sung thêm quy định về hỗ trợ phát triển thương hiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại, xuất khẩu, bình ổn giá, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm khai thác từ trồng LSNG dưới tán rừng.

4. KẾT LUẬN

Tại hai tỉnh khảo sát là Điện Biên và Lai Châu, hiện đã có một số loài LSNG được trồng dưới tán rừng, chủ yếu là dưới tán rừng tự nhiên. Các loài được trồng đa phần là cây dược liệu, trong đó có cả những loài quý, hiếm, có giá trị kinh tế rất cao, như Sâm lai châu, Tam thất hoang và Bảy lá một hoa. Trong số các loài LSNG được trồng, nhìn chung Thảo quả và Sa nhân tím là hai loài có diện tích trồng nhiều nhất. Các loài còn lại, mặc dù có giá trị kinh tế cao, hiện diện tích trồng còn rất thấp, chỉ được vài ba hecta đến vài chục hecta. Tổng diện tích trồng LSNG dưới tán rừng thấp (0,2 - 1,8% diện tích rừng mỗi tỉnh), còn hạn chế trong sử dụng, phát huy tiềm năng, thế mạnh và giá trị đa dụng của nguồn tài nguyên rừng hiện có.

Phát triển trồng LSNG dưới tán rừng ở hai tỉnh còn có một số khó khăn chủ yếu, bao gồm các vấn đề về giống cây trồng, kỹ thuật, liên kết, tiêu thụ, quy định và các chính sách hỗ trợ có liên quan. Giống cây trồng các loài LSNG hiện chưa được công nhận, chưa đảm bảo/chưa rõ tiêu chuẩn chất lượng và không có nguồn gốc rõ ràng. Chủ thể trồng chưa rõ được kỹ thuật trồng, chăm sóc các loài LSNG DTR đảm bảo thu hoạch ổn định và phòng trừ hiệu quả sâu bệnh hại. Chưa có được liên kết giữa các chủ thể trồng với nhau và giữa chủ thể trồng với chủ thể thu mua/chế biến. Quy định làm cơ sở pháp lý cho trồng LSNG dưới tán rừng nằm ở nhiều VBPL khác nhau, một số mang tính định tính, chưa có hướng dẫn thực hiện, khó cho tra cứu tìm hiểu và thực thi, nhất là với đồng bào dân tộc, tổ chức ở vùng sâu vùng xa. Thêm nữa, hiện chưa có các chính sách hỗ trợ cụ thể, tập trung phát triển trồng LSNG dưới tán rừng.

Để phát triển trồng LSNG dưới tán rừng cần có một hệ thống các giải pháp thực hiện, trong đó giải pháp về chính sách là một giải pháp quan

trọng được đề cập tại các chương trình, đề án liên quan được phê duyệt tại các văn bản ban hành ở tỉnh và Trung ương. Về giải pháp này, nghiên cứu đề xuất cần xem xét điều chỉnh, bổ sung quy định tại VBPL hiện hành tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho (chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình, tổ chức thực hiện) trồng LSNG dưới tán rừng. Bên cạnh đó nhà nước cần có các chính sách cụ thể, tập trung hỗ trợ thúc đẩy phát triển trồng LSNG dưới tán rừng bao gồm hỗ trợ nghiên cứu công nhận giống, đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất và sản xuất giống cây trồng LSNG, khuyến lâm, hỗ trợ đầu tư và vay vốn/tín dụng trồng LSNG, hỗ trợ phát triển liên kết trồng LSNG dưới tán rừng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Lương Thế Dũng (2019). Báo cáo tổng kết nhiệm vụ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án bảo tồn và phát triển LSNG giai đoạn 2006 - 2020.

[2]. UBND tỉnh Điện Biên (2026). Quyết định số 261/QĐ-UBND, ngày 07/02/2026, Công bố hiện trạng rừng tỉnh Điện Biên năm 2025.

[3]. UBND tỉnh Lai Châu (2026). Quyết định số 334/QĐ-UBND, ngày 07/02/2026, Công bố hiện trạng rừng tỉnh Lai Châu năm 2025.

[4]. Bộ Y tế (2019). Quyết định số 3657/QĐ-BYT ngày 20/8/2019 v/v Ban hành danh mục 100 dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển giai đoạn 2020-2030.

[5]. Thủ tướng Chính phủ (2023). Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2023 phê duyệt Chương trình phát triển Sâm Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

[6]. The Department for International Development (1999). Sustainable livelihoods guidance sheets, http://www.nssd.net/references/sustliveli/dfidapproach.htm#guidance.

[7]. Phạm Quang Tuyến (2026). Định vị Sâm lai châu trong phát triển kinh tế dưới tán rừng: Liên kết bảo tồn - Sản xuất hàng hóa - Du lịch sinh thái. Trình bày Hội thảo.

[8]. Sở NN&PTNT tỉnh Lai Châu (2022). Quyết định số 1618/HD-SNN ngày 09/8/2022 phê duyệt Hướng dẫn Kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch và sơ chế, bảo quản Sâm lai châu.

[9]. Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (2017). Quyết định số 733/QĐ-KHLN-KH ngày 29/12/2017 ban hành Quy trình kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Tam thất hoang.

[10]. Quốc Hội (2017). Luật số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017 - Luật Lâm nghiệp.

[11]. Quốc hội (2024). Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (Điều 248) ngày 18 tháng 01 năm 2024.

[12]. Chính phủ (2018). Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định Chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (Nghị định 156/2018/NĐ-CP).

[13]. Chính phủ (2025). Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP (Nghị định 183/2025/NĐ-CP).

[14]. Chính phủ (2019). Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Nghị định 06/2019/NĐ-CP).

[15]. Chính phủ (2021). Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi CÔNG ƯớC Về BUÔN BÁN QUốC Tế CÁC LOÀI ĐộNG VậT, THựC VậT HOANG DÃ NGUY CấP (Nghị định 84/2021/NĐ-CP).

[16]. Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025). Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật rừng thông thường và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Thông tư 85/2025/TT-BNNMT).

[17]. Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2026). Thông báo số 2337/T-BNNMT ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Về việc Công bố Danh mục động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp sau khi được Hội nghị các quốc gia thành viên CITES lần thứ 20 thông qua.

[18]. Chính phủ (2024). Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 về Một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp (Nghị định 58/2024/NĐ-CP).

[19]. Chính phủ (2017). Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 05 năm 2017 quy định Chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu (Nghị định 65/2017/NĐ-CP).

[20]. UBND tỉnh Lai Châu (2020). Quyết định số 29/QĐ-UBND tỉnh Lai Châu ngày 14/01/2020 Phê duyệt Đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

[21]. Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (2022). Quyết định 1772/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 9 năm 2022, ban hành Phương án phát triển vùng trồng cây dược liệu quý giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

[22]. Hội đồng Nhân dân tỉnh Lai Châu (2019). Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019, Thông qua Đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020 -2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

[23]. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu (2026). Nghị quyết Số 12-NQ/TU ngày 27 tháng 3 năm 2026 về Phát triển nông nghiệp hàng hóa, dược liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026-2030.

[24]. Thủ tướng Chính phủ (2024). Quyết định số 208/QĐ-TTg, ngày 29/02/2024, phê duyệt "Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050".

[25]. Belcher B M (1999). The Bamboo and Rattan Sectors in Asia: An Analysis of Production-to-Consumption Systems. Working Paper No. 22. Multiplexus (India), Delhi-54, INDIA.

[26]. Belcher B M and Kusters, K (2004). Non-timber forest product commercialisation: development and conservation lessons. In: Kuster, K. and Belcher, B. (eds.). Forest products, livelihoods and conservation: case studies of non-timber forest product systems. Volume 1 - Asia: 1-22. CIFOR, Bogor, Indonesia.

[27]. Belcher B M (1998). A production-to-consumption systems approach: lessons from the bamboo and Daemonorops poilanei sectors in Asia. In: Wollenberg, E, and Ingles, A. (eds.). Incomes from the forest: methods for the development and conservation of forest products for local communities:57-84.

[28]. Văn phòng chứng chỉ rừng (2019). Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững - VFCS ST 1003:2019.

[29]. Thủ tướng Chính phủ (2007). Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2007 về Một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015.

[30]. Chính phủ (2015). Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09 tháng 6 năm 2015 về Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (Nghị định 55/2015/NĐ-CP).

[31]. Chính phủ (2018). Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Nghị định 98/2018/NĐ-CP).

THE CURRENT STATUS OF PLANTING NON-TIMBER FOREST PRODUCTS UNDER FOREST CANOPY IN DIEN BIEN AND LAI CHAU PROVINCES

Nguyen Tien Hai[1], Vu Thi Thuy[1], Pham Thi Luyen[1], Vu Duy Hung[1], Nguyen Xuan Hau[1]

[1] *Forestry Economics Institute - Vietnam Academy of Forest Sciences*

Abstract

This article evaluates the current status of non-timber forest product (NTFP) development under forest canopy in Dien Bien and Lai Chau provinces in the Northwest region of Vietnam. Through secondary data collection and interviews with relevant stakeholders, the results show that several major NTFP species are being cultivated, primarily under natural forest canopy. The cultivated species are mostly medicinal plants, including some with very high economic value, such as *Panax vietnamensis* var. *fuscidiscus, Panax stipuleanatus* and *Paris polyphylla*. However, the cultivated area remains limited, accounting for only 0.2% to 1.8% of the total forest area in each province. Stakeholders identified several major barriers to NTFP development, including: (1) a lack of high-quality planting stock; (2) incomplete technical guidelines for cultivation and maintenance; (3) weak linkages within the under-canopy NTFP value chain; and (4) shortcomings regarding legal frameworks and support policies. Based on the findings, the article proposes policy recommendations to promote under-canopy NTFP cultivation and maximize the multi-purpose value of forest ecosystems, such as adjusting legal regulations, having specific support policies for research and infrastructure investment for high-quality variety development, NTFP cultivation investment, and fostering market linkages.

Key words: *Non-timber forest products (NTFPs), under-canopy cultivation, NTFP cultivation status, issues, policies.*

Ngày nhận bài: 8/6/2026
Ngày chuyển phản biện: 23/6/2026
Ngày thông qua phản biện: 19/8/2026
Ngày duyệt đăng:11/9/2026